TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/DS-ST
Ngày: 27/5/2025
"V/v Tranh chấp dân sự - Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Viết Thanh
2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 28/4, ngày 13/5 và 27/5/2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 3 năm 2025, về việc *"Tranh chấp về dân sự - Đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2025/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 123/2025/QĐST-DS, ngày 28/4/2025 và số 142/2025/QĐST-DS ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số, đường Tôn Đức Thắng, tổ 49, khóm Mỹ Thuận, phường Mỹ Phú, thành phố CL-ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Dương Minh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số đường Cái Môn, tổ 6, ấp 1, xã Mỹ Trà, thành phố CL-ĐT (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2024).

Bị đơn: Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C), sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Số, tổ 15, ấp 4, xã Mỹ Tân, thành phố CL-ĐT.

(Ông Toàn và bà TH có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T (có ông Dương Minh Toàn đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Bà T và bà Lê Thị C là chỗ quen biết với nhau. Ngày 19/11/2008 bà Lê Thị C có mượn bà T 07 chỉ vàng 24kara, mục đích mua thuốc sâu và lo cho gia

đình, có viết biên nhận, không lãi suất, thời hạn khi nào bà T cần thì trả lại số vàng trên.

Tuy nhiên, vào năm 2009 cho đến nay, bà T nhiều lần yêu cầu bà C trả số vàng trên nhưng bà C không trả mà nhiều lần thách thức bà T.

Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà Lê Thị C trả lại 07 chỉ vàng 24kara, không yêu cầu tính lãi suất. Tạm tính giá trị 07 chỉ vàng 24kara là 56.000.000 đồng (01 chỉ vàng 24kara tương đương 8.000.000 đồng).

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Dương Minh Toàn là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Bà T chỉ cho bà C mượn vàng, không liên quan đến bà Nguyễn Thị Huệ, không yêu cầu gì đối với bà Nguyễn Thị Huệ và không yêu cầu đưa bà Huệ vào tham gia tố tụng.

Ông Huỳnh Trúc Lâm là chồng bà T, ông Lâm đã chết năm 2023, số vàng cho bà C mượn là của cá nhân bà T, không liên quan đến ông Lâm. Số tiền lãi và tiền hàng tháng bà C trình bày có đóng cho bà T và ông Lâm là không có. Bà T có yêu cầu bà C trả nhiều lần nhưng bà C không trả nên bà T mới khởi kiện.

Bà Lê Thị C trình bày tên trong giấy căn cước công dân của bà là Lê Thị TH tên ở nhà là Lê Thị C và Nguyễn Thị C là cùng một người nên nay bà T yêu cầu bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) trả cho bà T 07 chỉ vàng 24kara theo trị giá vàng thị trường hiện nay.

Giá vàng ngày 27/5/2025 tại tiệm vàng Kim Long Đồng Tháp có giá mua vào 10.400.000 đồng/chỉ vàng 24kara, giá bán ra 10.850.000 đồng/chỉ vàng 24kara. Bà T yêu cầu theo giá mua vào là 10.400.000 đồng/chỉ vàng 24kara. Giá trị 07 chỉ vàng 24karar là 72.800.000 đồng (10.400.000 đồng x 07 chỉ). Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu khác.

Theo tờ tường trình, tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) trình bày:

Bà Lê Thị C có tên trong giấy căn cước công dân là Lê Thị TH, sinh năm 1961, tên ở nhà là Lê Thị C và Nguyễn Thị C là cùng một người.

Bà TH cùng với bà Nguyễn Thị Huệ, cùng ngụ tại số 858, tổ 12, ấp 3, xã Mỹ Tân, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, hỏi dùm người bạn làm ăn thiếu 10.000.000đồng, vì quen biết T và Lâm nên bà C và bà Huệ đến nhà hỏi tiền. Lúc đó vàng còn rẻ nên vợ chồng T và Lâm báo là 7 chỉ vàng tương đương 10.000.000 đồng để tính lãi 5 phân 1 tháng (5%/tháng) cho dễ, vì đang thiếu nên bà C chấp nhận và bà C có viết biên nhận ngày 19/11/2008, nội dung mượn T 07 chỉ vàng 24kara. Bà C nhận tiền ngày 19/11/2008, bà C và bà Huệ đều đi lấy lãi cho bà T và ông Lâm đến 19/11/2010 tất cả là 2 năm tiền lãi 12.000.000đồng. Khoảng sau này không có tiền đóng lãi, đầu năm 2011 vợ chồng bà T và ông Lâm có vào nhà bà Huệ để đòi tiền, nhưng bà C và bà Huệ năn nỉ T và Lâm, vợ chồng T nói là không đóng lãi thì trả dần một tháng 500.000đồng. Bà C và bà Huệ vì chỗ quen biết nên bà C và bà Huệ có đi đòi số tiền mình đã mượn dùm. Đến cuối năm 2019 không làm ăn được nên không có tiền trả lại nữa.

Kế đến đầu năm 2011 đến cuối năm 2019 tổng cộng 8 năm với số tiền trả dần là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng). Vợ chồng Lâm và T có lại nhà của bà Huệ nên bà TH xin tờ giấy nợ lại Lâm và T không cho mà còn nói chưa

đủ. Thời gian đã qua bà C và bà Huệ tính tiền đóng lãi 2 năm là 12.000.000đồng và tiền lãi 8 năm trả dần là 48.000.000đồng. Tất cả số tiền trên bà C và bà Huệ cũng không mất mác nhiều tiền của T và Lâm nên T và Lâm không đòi nữa. Lúc này Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp báo tin là T khởi kiện lại.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà TH trình bày: Số tiền này mượn của ông Lâm, bà T để cho ông Trần Ngọc Vũ ở Cần Thơ mượn lại, không biết địa chỉ ông Vũ, không thỏa thuận thời gian trả, chỉ mượn trả dần. Hàng tháng bà C và bà Huệ đi nhận tiền lãi trả cho bà T và ông Lâm. Số tiền lãi 12.000.000 đồng và 48.000.000 đồng trình bày trên là tiền của ông Vũ đưa cho bà C và bà Huệ để trả cho bà T và ông Lâm. Ngoài ra không có giấy tờ, tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bà Nguyễn Thị Huệ là người làm chứng cho bà C, đề nghị Tòa án lấy lời khai của bà Huệ. Khi lấy tiền về đưa cho bà T và ông Lâm tại xe tiệm nước mía gần nhà và chỗ bãi cỏ cho bò ăn sau hè chùa Thanh Lương gần nhà ông Lâm, lúc đưa tiền lãi và tiền vốn chỉ có bà C, bà Huệ và ông Lâm, bà T. Ngoài ra, không còn ai làm chứng, khi trả lãi và vốn hàng tháng cho bà T, ông Lâm không có ghi lại giấy tờ gì khác.

Trong giấy biên nhận ngày 19/11/2008 là chữ viết và chữ ký do bà C tự viết nhưng bà C xác định tên trong giấy căn cước công dân của bà là Lê Thị TH, tên ở nhà là Nguyễn Thị C và Lê Thị C. Tên trong biên nhận ghi Lê Thị C cũng chính là bà.

Nay bà Lê Thị TH đề nghị Tòa án trừ số tiền lãi 12.000.000 đồng và số tiền vốn đã đóng 48.000.000 đồng (Tổng vốn lãi đã đóng 60.000.000đồng). Số tiền còn dư 4.000.000 đồng không yêu cầu bà T trả lại.

Do lúc hòa giải bà TH trình bày nhầm số tháng bà đã trả cho bà T và ông Lâm, nay bà xác định lại bà trả cho ông Lâm và bà T từ tháng 12/2010 đến cuối tháng 12/2019 là 09 năm 01 tháng với số tiền 54.500.000 đồng. Tổng số tiền trả lãi 02 năm và trả dần 09 năm 01 tháng là 66.500.000 đồng. Bà TH đã trả hơn số tiền bà T yêu cầu nên không đồng ý trả tiếp cho bà T.

Bà Nguyễn Thị Huệ chỉ đi cùng bà C lấy tiền lãi dùm chứ không liên quan trong vụ án này, bà TH không yêu cầu đưa bà Huệ tham gia tố tụng. Bà TH không biết ông Lâm đã chết năm 2023, bà mới biết khi nghe đại diện nguyên đơn trình bày nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với ông Lâm, và ông Trần Ngọc Vũ. Ngoài ra, bà TH không còn yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ

pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp về dân sự - Đòi lại tài sản"* theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C), sinh năm: 1961 có địa chỉ: Số 574, tổ 15, ấp 4, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu: Đây là quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2, Điều 155, điểm d khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì không áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, đòi lại tài sản. Các đương sự cũng không có yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[4]. Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) trả cho bà T 07 chỉ vàng 24kara theo giá vàng thị trường hiện nay. Giá vàng ngày 27/5/2025 tại tiệm vàng Kim Long Đồng Tháp có giá mua vào 10.400.000 đồng/chỉ vàng 24kara. Giá trị 07 chỉ vàng 24karar là 72.800.000 đồng. Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu khác.

Bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Lệ T có cho bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) mượn 07 chỉ vàng 24kara theo biên nhận ngày 19/11/2008 là đúng và được bà TH thừa nhận do lúc đó đang thiếu nên bà TH chấp nhận số tiền 10.000.000 đồng tương đương 07 chỉ vàng 24Kara, bà TH là người viết biên nhận mượn vàng ngày 19/11/2008 với nội dung *"Tôi tên: Lê Thị C sanh năm 1961 có mượn của em T với số vàng là 7 chỉ vàng 24kara (bảy chỉ vàng 24kara…)",* sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị TH cho rằng trong quá trình từ năm 2008 đến 2019: Bà TH có trả cho bà T và ông Lâm số tiền lãi 2 năm là 12.000.000 đồng (từ 2009-2010: 24 tháng, mỗi tháng 500.000 đồng, tính lãi 5 phân 1 tháng (5%/tháng)) và số tiền vốn trả dần đã đóng 09 năm 01 tháng (tháng 12/2010 đến cuối tháng 12/2019), mỗi tháng 500.000 đồng, số tiền là 54.500.000 đồng. Tổng tiền lãi 02 năm và tiền trả dần đến tháng 12/2019 là 66.500.000 đồng. Từ đó đến nay bà TH không trả thêm khoản tiền nào nữa. Bà TH đề nghị trừ vào số tiền nguyên đơn yêu cầu và không đồng ý với yêu cầu của bà T. Việc trả tiền lãi và tiền trả dần cho bà T và ông Lâm (chồng là bà T, đã chết năm 2023) có bà Nguyễn Thị Huệ, cùng ngụ tại số 858, tổ 12, ấp 3, xã Mỹ Tân, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp chứng kiến nhưng lời khai của bà Huệ tại biên bản ngày 09/4/2025, bà Huệ đi cùng bà C đến nhà bà T nhận số tiền 10.000.000 đồng, bà C cho ông Vũ ở Cần Thơ vay và bà cùng với bà TH có đến nhà ông Vũ ở Cần Thơ nhận số tiền lãi mỗi tháng 500.000 đồng, từ năm 2008 đến 2019 về đưa cho bà T và ông Lâm. Bà C có vay tiền của bà T và ông Lâm nhiều lần để cho người khác vay lại nhưng không lấy chênh lệch, chỉ hỏi dùm và đi lấy lãi dùm. Bà C cùng bà Huệ trực tiếp đi lấy lãi

từ năm 2008 đến năm 2019, mỗi tháng 500.000 đồng, không nhớ tổng số tiền là bao nhiêu, hiện nay ông Vũ đã chết. Việc bà C có viết biên nhận vàng hay không thì bà không biết. Ngoài ra, bà Huệ không còn biết gì khác.

Lời khai của bà Huệ thể hiện việc bà Huệ không chứng kiến việc thỏa thuận giữa bà TH và bà T về số vàng mượn, số tiền lãi và trả vốn hàng tháng như bà TH trình bày. Bà Nguyễn Thị Lệ T không thừa nhận bà TH có trả dần tiền vốn và lãi như bà TH trình bày trên. Việc bà TH mượn vàng và cho người khác vay lại và lấy lãi là việc của bà TH, bà T không có thỏa thuận trả vốn, trả lãi gì.

Ngoài những lời trình bày và lời khai của bà Huệ thì bà TH không còn tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh đã trả 07 chỉ vàng 24kara.

Hội đồng xét xử xét thấy, giá vàng nguyên đơn cung cấp trên trang wed: www.kimlongdongthap.vn tại thời điểm xét xử ngày 27/5/2025, giá vàng tại tiệm vàng Kim Long đồng Tháp có giá mua vào 10.400.000 đồng/chỉ vàng 24kara, giá bán ra 10.850.000 đồng/chỉ vàng 24 kara. Bà TH cũng thống nhất giá vàng tại tiệm vàng Kim Long trên có giá mua vào 10.400.000 đồng/chỉ vàng 24kara, giá bán ra 10.850.000 đồng/chỉ vàng 24 kara.

Bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) trả cho bà T 07 chỉ vàng 24kara theo giá vàng thị trường hiện nay theo giá mua vào là 10.400.000 đồng/chỉ vàng 24kara.

Theo án lệ 02/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có ghi buộc số tiền tương đương số vàng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) trả 07 chỉ vàng 24kara tương đương số tiền 72.800.000 đồng là có căn cứ theo quy định Điều 166 của Bộ luật Dân sự, nên chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Lệ T, bà Lê Thị TH không yêu cầu đối với ông Lâm (chết năm 2023), bà Huệ, ông Vũ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) phải chịu án phí 3.640.000 đồng đồng. Tuy nhiên, bà TH có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Lệ T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.400.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003306, ngày 20/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 155, Điều 166, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ án lệ 02/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lệ T. Yêu cầu bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) trả số tiền 72.800.000 đồng.

Buộc bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 72.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Lệ T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.400.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003306, ngày 20/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Lệ T và bà Lê Thị TH (Lê Thị C, Nguyễn Thị C) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Tuyết Nga